

Bản án số: **81** /2020/ HNGĐ-ST

Ngày 21 /12 /2020

V/v: “*TrAh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIAG, TỈNH BẮC GIAG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn, ông Dương ThAh Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị ThAh Huyền- Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng GiAg.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng GiAg: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/ 12 /2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng GiAg, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số số 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2020, về việc trAh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

ĐKHKT: Tổ dân phố T , thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

Bị đơn: Ah Đặng Văn Đ, sinh năm 1986.

ĐKHKT: Tổ dân phố T , thị trấn K , huyện B, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đặng Văn Đ có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 03/04/2012 tại UBND xã Tân Thịnh, huyện B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng không Đ tìm hiểu mà do người khác giới thiệu sau đó cưới ngay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu tháng 01 năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do chồng không quan tâm đến vợ con, không mAg tiền về nuôi vợ con, hay ghen tuông, vợ chồng có cãi nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân tháng 11 năm 2020 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị Đ ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung.

1. Đặng Thị Thanh Nh, sinh ngày 18/07/2013.

2. Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017.

Ly hôn chị xin nuôi con 01 con là Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017, còn Ah Đ nuôi con Đặng Thị Thanh Nh, sinh ngày 18/07/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là Ah Đặng Văn Đ trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng có sảy ra cãi nhau, có sảy ra ghen tuông, anh không có thời gian nhiều quan tâm đến vợ con, hiện nay cô L đã bỏ ra ngoài sinh sống từ tháng 11/2020. Nay cô L xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn với cô L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung.

1. Đặng Thị Thanh Nh, sinh ngày 18/07/2013.

2. Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017.

Anh không đồng ý cho cô L nuôi con, anh không đồng ý để cô L thăm nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án con của chị L, anh Đ là cháu Đặng Thị Thanh Nh có ý kiến: Cháu không có ý kiến về việc bố mẹ ly hôn, bố mẹ cháu hiện không ở cùng với nhau. Bố mẹ hay cãi nhau, hiện nay cháu đang học lớp 1, bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố cháu.

Tòa án có xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin: Chị L và anh Đ có được gia đình tổ chức lễ cưới và kết hôn, quá trình chung sống có thấy vợ chồng cãi nhau nhưng không báo chính quyền địa phương, chị L hiện nay không sống cùng với bố con anh Đ, vợ chồng chị L, anh Đ có 02 con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đối với yêu cầu ly hôn của chị L.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn anh Đ và xin được nuôi con chung là cháu Đặng Hoàng A, về tài sản chung vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đ không đồng ý ly hôn, anh Đ không đồng ý để chị L nuôi con, không đồng ý để chị L thăm nom con, về tài sản không có tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng

theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

- Về quA hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017, anh Đặng Văn Đ nuôi con chung là Đặng Thị Thanh L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện B. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[4]. Về quA hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn Đ có đăng ký kết hôn vào ngày tại UBND xã T, huyện B. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quA hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của Chị L khai vợ chồng có mâu thuẫn và cãi nhau, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm, qua xác minh tại địa phương thì phù hợp với lời khai của chị L, anh Đ cũng thừa nhận vợ chồng có cãi nhau, không quan tâm đến nhau, hai vợ chồng đều xác định đã sống ly thân. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn Đ.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chị L, anh Đ có 02 con chung, Đặng Thị Thanh Nh, sinh ngày 18/07/2013 và Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017 chị L có

nguyên vọng Đ nuôi con Đặng Hoàng A ,anh Đ có nguyên vọng được nuôi 02con chung. Đối với yêu cầu nuôi con chung của chị L, anh Đ thì thấy: Hiện nay cháu Đặng Thị Thanh Nh đã trên 07 tuổi, cháu có nguyên vọng Đ ở với anh Đ, cháu đang học lớp 1 tại thị trấn Kép, cháu đang sống cùng với anh Đ, cháu Đặng Hoàng A hiện nay vẫn còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn, vợ chồng có 02 con chung và cả hai đều có nguyên vọng nuôi con nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định “ ...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyên vọng của con” nên để đảm bảo cho cháu Nh và cháu A có điều kiện chăm sóc tốt, ổn định cuộc sống và việc học tập cần giao cho Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017, anh Đặng Văn Đ nuôi con chung là Đặng Thị Thanh Nh, sinh ngày 18/07/2013 là phù hợp.

Ah Đ, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở Ah Đ thực hiện quyền này.

Chị L, anh Đ có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị L, anh Đ không có, đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[7].Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[8].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quA hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L Đ ly hôn anh Đặng Văn Đ.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/01/2017, anh Đặng Văn Đ nuôi con chung là Đặng Thị Thanh Nh, sinh ngày 18/07/2013.

Ah Đ, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Chị L, anh Đ có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002704 ngày 27/ 11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng GiAg. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Chị L, anh Đ có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

